

# NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CỦA PHẬT GIÁO NAM BỘ

TS. Dương Hoàng Lộc

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nam bộ là vùng đất mới trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam. Lịch sử cùng điều kiện tự nhiên, đặc thù kinh tế-xã hội đã tạo ra những sắc thái văn hóa đặc trưng của vùng đất Nam bộ so với các vùng văn hóa khác của nước ta như nhận xét của Ngô Đức Thịnh: “So với nhiều vùng văn hóa ở nước ta thì Nam bộ bộc lộ những sắc thái văn hóa tiêu biểu, những tính cách riêng của mình”<sup>1</sup>. Nam bộ tồn tại nhiều cộng đồng tôn giáo như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Islam giáo, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo,... nên đa tôn giáo vốn là đặc trưng của vùng đất này. Tôn giáo là hạt nhân văn hóa cộng đồng, qua tôn giáo góp phần giúp nhận thức rõ đặc điểm con người, văn hóa một địa phương hay quốc gia, bởi vì tôn giáo góp phần tạo ra căn tính văn hóa, chuyển tải bản chất nền văn hóa mà nó thể hiện<sup>2</sup>. Tồn tại trong môi trường tự nhiên đồng bằng sông nước, nhịp sống kinh tế, xã hội năng động, lại chịu sự tác động, ảnh hưởng của những thăng trầm lịch sử, các cộng đồng tôn giáo, trong đó có Phật giáo, thể hiện những đặc trưng riêng, qua đó góp phần nhận thức rõ hơn về đặc trưng văn hóa, con người vùng đất Nam bộ. Trong bài viết này, chúng tôi phân tích những đặc điểm của Phật giáo Nam bộ, và nhất là đặt trong sự so sánh với Phật giáo đồng bằng Bắc Bộ. Qua đây góp phần hiểu hơn sự

<sup>1</sup> Ngô Đức Thịnh. 2009. *Bản sắc văn hóa vùng ở Việt Nam*. Nxb. Giáo dục Việt Nam, trang 305.

<sup>2</sup> Nguyễn Quang Hưng. 2016. *Tôn giáo và văn hóa lý thuyết cơ bản và giải pháp định hướng khai thác các giá trị văn hóa tôn giáo phục vụ phát triển kinh tế xã hội Việt Nam hiện nay*. Nxb. Tri thức, trang 20.

đa dạng văn hóa vùng miền trong tính thống nhất của văn hóa Việt Nam mà Phật giáo là một điển hình sống động, rõ nét.

## 2. Quá trình hình thành và phát triển Phật giáo Nam bộ

Phật giáo là tôn giáo gắn liền quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam bộ ngay từ buổi đầu khẩn hoang của người Việt: “*Ba thế kỷ trước trong đoàn di dân vào khai phá vùng đất phía Nam Tổ quốc, đã có những nhà sư từ miền Trung thuộc các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, ...những thiền sư người Việt và người Trung Hoa đến cù lao Phố dựng những am tranh bên bờ đất thuộc khu vực Sông Đồng Nai, hay xuôi về vùng Gia Định dựng thảo am hoặc trên gò cao, hoặc ven sông rạch nhỏ. Tín ngưỡng Phật giáo đã là hành trang của cư dân đi mở đất, đã cùng tồn tại và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử ngót ba trăm năm qua ở vùng đất Gia Định xưa...*”<sup>3</sup>. Trên địa bàn Biên Hòa ngày nay (Cù lao Phố xưa) hiện tồn tại một số ngôi cổ tự được hình thành trong giai đoạn này, tiêu biểu có Chùa Long Thiên, Chùa Bửu Phong, Chùa Đại Giác, ... Từ đây, các vị thiền sư thuộc dòng Lâm Tế Đạo Bồn Nguyên, được truyền thừa bởi Thiền sư Nguyên Thiều từ Trung Hoa sang, tích cực truyền bá Phật giáo ở vùng đất Gia Định thời đó. Chùa Giác Lâm ở Gia Định (nay thuộc quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh) là nơi đào tạo nhiều vị Tăng sĩ làm nhiệm vụ hoằng dương Phật pháp ở Nam bộ từ thế kỷ XVIII, XIX cho đến đầu thế kỷ XX. Giai đoạn này, Phật giáo là chỗ dựa tâm linh của cộng đồng làng xã Nam bộ trước những rủi ro, bất trắc bởi thiên nhiên khắc nghiệt, thú dữ rình rập, dịch bệnh lần chiến tranh loạn lạc qua các hình thức cầu an, cầu siêu, cúng dường tinh giải hạn, ... Ngôi chùa được thành lập, các nhà sư làm nhiệm vụ cúng kiếng, cầu nguyện cho dân làng khi có nhu cầu tâm linh. Ngoài ra, một số nhà sư còn bốc thuốc chữa bệnh, truyền dạy võ nghệ và đuổi thú dữ giúp người dân dần ổn định cuộc sống.

<sup>3</sup> Trần Hồng Liên. 2004. *Góp phần tìm hiểu Phật giáo Nam bộ*. Nxb. Khoa học xã hội, trang 7.



Mặt khác, vào thế kỷ XVIII, vùng đất Hà Tiên dưới sự cai quản của Mạc Cửu, sau đó là Mạc Thiên Tích. Phật giáo du nhập đến nơi này với sự kiện Mạc Cửu cho xây dựng Chùa Tam Bảo rộng rãi, to lớn làm nơi tu hành của mẹ ông vào năm 1730. Sau đó, vào năm 1750, Mạc Thiên Tích cho xây dựng Chùa Phù Cừ (nay là Chùa Phù Dung) cảnh trí trang nghiêm, tĩnh mịch. Đặc biệt, Tổng binh Mạc Cửu mời Hòa thượng Ấn Trừng, hiệu Huỳnh Long thuộc dòng Lâm Tế đời thứ 35, từ Bình Định vào Hà Tiên làm trụ trì Chùa Núi Bạch Tháp để truyền đạo. Hòa thượng vốn là vị tướng nhà Minh từ Trung Hòa lưu lạc đến Đàng Trong rồi xuất gia theo Phật<sup>4</sup>.

Bên cạnh người Việt, Phật giáo còn du nhập, ảnh hưởng đến tộc người Khmer và Hoa ở vùng đất Nam bộ. Người Khmer, Hoa đến đây định cư và góp phần cùng người Việt khai phá. Người Khmer theo truyền thống Phật giáo Nam tông (Theravada) do hai nhà sư người Ấn Độ là Sona và Uttara truyền bá đến bán đảo Đông Dương khoảng 300 năm trước công nguyên. Trong lịch sử cũng như hiện tại, Phật giáo Nam tông luôn giữ vai trò là nền tảng của đời sống tinh thần, là thành tố chủ yếu nhất tạo nên đặc trưng văn hóa, là nhân tố có tác động chi phối mọi mặt trong xã hội của đồng bào Khmer<sup>5</sup>. Bên cạnh đó, Phật giáo đã đồng hành cùng bước chân những người Hoa di dân từ Trung Hoa đến Nam Bộ định cư bắt đầu thế kỷ XVIII. Trần Hồng Liên cho biết thêm: Trung tâm tụ cư quan trọng của cộng đồng di dân từ Trung Quốc sang định cư thuộc quận 5 (thành phố Hồ Chí Minh) ngày nay. Những điểm tập trung của nhiều nhóm ngôn ngữ khác nhau là hội quán. Nhiều người Hoa có tuổi hiện nay còn nhắc đến vài địa điểm lớn như Nhị Phủ miếu, Ông Lãng Hội quán, Thất Phủ Quan Võ miếu,...có các tu sĩ Phật giáo tạm trú. Trước năm

---

<sup>4</sup> Thích Minh Nghĩa, Phật giáo Hà Tiên dưới thời Mạc Cửu. Nguồn:

<https://nigoi vietnam.vn/phet-giao-ha-tien-duoi-thoi-mac-cuu/>, ngày truy cập: 10/3/2023.

<sup>5</sup> Nguyễn Khắc Cảnh. Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước, một mô hình nhập thế đặc thù của Phật giáo Nam tông Khmer Tây Nam Bộ. In trong: Nhiều tác giả. 2022. *Nghiên cứu Phật giáo (tập 3)*. Nxb. Khoa học xã hội, trang 211.

1930, những tu sĩ Hoa theo đạo Phật sinh hoạt theo từng chùa thuộc tông phái là chính. Đến năm 1945, Hòa thượng Thống Lương và Thanh Thuyền xây dựng chùa Nam Phổ Đà (quận 6), đồng thời nhiều ngôi chùa hình thành trong thời gian này... Vì thế, giai đoạn đầu thế kỷ XX, Phật giáo trong cộng đồng người Hoa được phục hồi và phát triển hơn so với trước<sup>6</sup>.

Đến đầu thế kỷ XX, Phật giáo phát triển rộng khắp ở Nam bộ hơn so với trước, ngôi chùa ngày càng gắn bó mật thiết với dân cư, nhà sư có trách nhiệm cúng kiếng ma chay, xem ngày giờ, bói toán vận hạn... cho họ. Lúc này, ở các nước Srilanka, Nhật Bản, Hàn Quốc,... và nhất là Trung Quốc bắt đầu cải cách Phật giáo một cách nhanh chóng và hiệu quả. Phong trào này lan rộng đến Việt Nam, ảnh hưởng một số nhà sư có học thức, hun đúc tâm nguyện chấn hưng Phật giáo nước nhà trước hiện thực tu sĩ xa rời những giáo pháp căn bản nhằm hướng con người đến giác ngộ và giải thoát. Tại Nam bộ, trước thực trạng Phật pháp suy đồi, Tăng đồ thất học và không đoàn kết, nhà sư Lê Khánh Hòa khởi xướng việc cải cách và đổi mới hoạt động của Phật giáo với ba nhiệm vụ trọng tâm: Chinh đốn Tăng chúng, thành lập các Phật học đường nhằm đào tạo Tăng tài, Việt hóa kinh sách. Phong trào chấn hưng Phật giáo ra đời trước tiên ở Nam bộ rồi sau lan rộng đến miền Trung, miền Bắc. Năm 1931 Hòa thượng Khánh Hòa và các đồng chí của ông thành lập Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học đặt trụ sở tại Chùa Linh Sơn (Sài Gòn), sau đó xuất bản Tạp chí Từ bi âm (1932) do ông làm chủ bút. Nhiều kinh sách được phiên dịch ra chữ Quốc ngữ, phát hành rộng rãi báo chí, tổ chức nhiều buổi thuyết giảng thu hút đông người tham dự, Hòa thượng Khánh Hòa là “*linh hồn*” của phong trào này, có uy tín lớn với Phật giáo ba miền Nam, Trung, Bắc thời đó. Nhiều lần, ông đến các chùa để vận động chư Tăng

---

<sup>6</sup> Trần Hồng Liên. Đặc điểm Phật giáo Hoa Tông ở Nam bộ. In trong: Nhiều tác giả. 2002. *Hội thảo khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định- Sài Gòn- Thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, trang 84.



đoàn kết lại nhằm tiếp sức công cuộc chấn hưng Phật giáo. Năm 1934, Hòa thượng Khánh Hòa và Hòa thượng Huệ Quang thành lập Phật học đường lưỡng xuyên tại Trà Vinh nhằm đào tạo Tăng tài. Từ đó, nhiều vị Tăng, Ni được trang bị kiến thức Phật học bài bản nhằm phát triển Phật giáo theo đúng giáo lý của Đức Phật, đồng thời khơi gợi, hun đúc tinh thần đạo pháp gắn liền dân tộc của Phật giáo Việt Nam. Khi Cách mạng tháng tám (1945) nổ ra, Hội Phật giáo cứu quốc Nam bộ ra đời nhằm vận động Tăng Ni, Phật tử ủng hộ kháng chiến, đóng góp tài chánh cho cách mạng,... Trong khoảng thời gian này, hai hệ phái Phật giáo Nam tông Kinh và Phật giáo Khất sĩ lần lượt ra đời tại Nam bộ. Năm 1938, Tổ đình Bửu Quang tọa lạc ở Gò Dưa (nay thuộc thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh) được thành lập. Đây là ngôi chùa đầu tiên được Hòa thượng Hộ tông vốn là một kỹ sư người Việt xuất gia tại Campuchia làm nơi truyền bá Phật giáo Theravada vào Việt Nam. Sau đó, nhiều ngôi chùa theo Phật giáo Theravada ra đời ở nhiều tỉnh thành miền Nam Việt Nam. Hệ phái này ảnh hưởng trong cộng đồng người Việt được gọi là Phật giáo Nam tông Kinh nhằm phân biệt với Phật giáo Nam tông Khmer. Năm 1944, Tổ sư Minh Đăng Quang xuất gia và bắt đầu thu nhận đệ tử, chính thức khai sáng Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam với chủ trương nói truyền Thích Ca chánh pháp. Sau đó, ông cùng một số đệ tử đi hoằng hóa rồi lập nhiều tịnh xá ở các tỉnh Nam bộ.

Từ năm 1954 đến năm 1975, nhiều tổ chức Phật giáo liên tục thành lập tại miền Nam Việt Nam, không chỉ tạo nên tính đa dạng về đường hướng hoạt động mà còn ở phương diện tổ chức lẫn cách thức sinh hoạt của Phật giáo Nam bộ trong giai đoạn này. Trước tiên, vào năm 1951, Giáo hội Tăng Già Nam Việt được thành lập, văn phòng trung ương đóng tại Chùa Ấn Quang. Năm 1952, một hội nghị diễn ra tại Chùa Long An (Sài Gòn) đưa đến việc ra đời một tổ chức Phật giáo khác là Giáo hội Phật giáo Lục Hòa Tăng Việt Nam, trụ sở đặt tại Chùa Trường Thạnh

(Sài Gòn). Trước đó, vào năm 1950, Hội Phật học Nam Việt do các trí thức Phật tử Mai Thọ Truyền, Nguyễn Văn Khỏe,... vận động thành lập, trụ sở của hội ở Chùa Xá Lợi (Sài Gòn). Đến năm 1957, Giáo hội Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam thành lập, trụ sở trung ương đặt tại Chùa Kỳ Viên (Sài Gòn). Đặc biệt, tại miền Nam Việt Nam diễn ra phong trào Phật giáo năm 1963 nhằm chống lại chế độ Ngô Đình Diệm. Trung tâm của phong trào là thành phố Sài Gòn với nhiều hoạt động biểu tình bất bạo động đòi quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, đỉnh cao là sự kiện Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu (tháng 6/1963). Sau phong trào này, một số tổ chức Phật giáo lần lượt ra đời. Giáo hội Phật Việt Nam Thống Nhất được thành lập năm 1964 trên cơ sở hiệp nhất 11 tổ chức Phật giáo miền Nam Việt Nam thời đó là: Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy, Giáo hội Tăng già Trung phần, Giáo hội Thiên tịnh đạo tràng, Giáo hội Tăng già Việt Nam, Giáo hội Tăng già Bắc Việt, Giáo hội Tăng sĩ Therevada, Hội Phật giáo Nguyên Thủy, Hội Phật học Nam Việt, Giáo phái Therevada, Hội Phật giáo Việt Nam Trung phần, Hội Phật giáo Việt Nam Bắc Việt. Ở trung ương, cơ cấu tổ chức gồm 2 viện: Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo gồm một hệ thống gồm 6 vụ: Tăng sự, Hoằng pháp, Pháp sự, Cư sĩ, Thanh niên, Tài chánh kiến thiết<sup>7</sup>. Về sau, Hội Phật học Nam Việt và Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy tách ra hoạt động độc lập. Năm 1966, Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam được thành lập, mục đích qui tụ Tăng Ni hệ phái Khất sĩ sinh hoạt trong tổ chức, trụ sở đặt tại Tịnh xá Trung Tâm (Sài Gòn). Đến năm 1969, một tổ chức khác là Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam ra đời trên cơ sở hợp nhất 2 tổ chức Giáo hội Phật giáo Lục Hòa Tăng Việt Nam và Hội Lục Hòa Phật tử thành lập trước đó. Năm 1973, các Tăng Ni thuộc tông Thiên Thai Giáo Quán Tông tổ chức Đại hội thành lập Giáo hội Thiên Thai Giáo Quán Tông tại Chùa

---

<sup>7</sup> Trần Hồng Liên. 2000. *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam bộ - Việt Nam từ thế kỷ XVII đến 1975*. Nxb.Khoa học xã hội, trang 98.



Pháp Hội (Sài Gòn). Tông phái này gốc gác từ Trung Hoa, được Tổ Hiển Kỳ truyền sang Việt Nam vào đầu thế kỷ XX, nhiều nhất ở tỉnh Long An. Thiên Thai Giáo Quán Tông chọn Chùa Tôn Thạnh ở huyện Cần Đước, tỉnh Long An làm ngôi tổ đình. Cũng trong năm này, Giáo hội Phật giáo Hoa Tông chính thức ra mắt, công cử Hòa thượng Siêu Trần và Hòa thượng Thanh Thuyền đứng đầu tổ chức. Sự kiện này mang ý nghĩa lớn: Lần đầu tiên các đạo Phật của các tu sĩ Trung Quốc truyền vào Việt Nam chính thức có tổ chức rộng rãi và tư cách pháp nhân. Văn phòng đặt tại 360 A Bến Bình Đông, quận 7. Trụ sở trung ương ở số 195, Nguyễn Tri Phương, quận 5<sup>8</sup>.

Trong thời kỳ Pháp thuộc, Phật giáo Nam tông Khmer ở Nam bộ trực thuộc Giáo hội Phật giáo Campuchia với cơ cấu được chia làm hai cấp: Hội đồng Sư sãi hoặc Ban chức sắc Phật giáo cấp tỉnh và huyện. Người đứng đầu cấp tỉnh là Mèkon, người đứng đầu cấp huyện là Anuskon. Sau năm 1954, Phật giáo Nam tông Khmer tổ chức thành Giáo hội độc lập với ba cấp trung ương, tỉnh, huyện, suy cử người đứng đầu là Tăng thống-Hòa thượng Thạch Ngos. Bên cạnh đó, vào năm 1964, trong vùng kháng chiến ra đời Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước Tây Nam Bộ nhằm tập hợp, đoàn kết Sư sãi, Phật tử người Khmer tham gia vào công cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam<sup>9</sup>.

Như vậy, việc ra đời các tổ chức Phật giáo tại miền Nam Việt Nam trước tiên nhằm đáp ứng nhu cầu cần phải có hệ thống tổ chức để tập hợp nội bộ và đề ra đường hướng hoạt động khác nhau trong bối cảnh chính trị-xã hội phức tạp thời bấy giờ. Nhìn chung, tuy có nhiều tổ chức, Phật giáo Nam bộ trước nay tồn tại 3 hệ phái: Bắc tông, Nam tông và Khất sĩ. Mỗi hệ phái chủ trương hình thức tu tập khác nhau. Sau năm 1975, đất nước thống nhất, các tổ chức Phật giáo này đồng thuận, là những nhân tố

<sup>8</sup> Trần Hồng Liên. 2004. *Góp phần tìm hiểu Phật giáo Nam bộ*. Nxb. Khoa học xã hội, trang 159.

<sup>9</sup> Nguyễn Khắc Cảnh. Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước, một mô hình nhập thế đặc thù của Phật giáo Nam tông Khmer Tây Nam Bộ. In trong: Nhiều tác giả. 2022. *Nghiên cứu Phật giáo (tập 3)*. Nxb. Khoa học xã hội, trang 218.

nòng cốt tiến tới việc thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào năm 1981 tại Chùa Quán Sứ (thủ đô Hà Nội).

Qua quá trình hình thành và phát triển Phật giáo vùng đất Nam bộ cho thấy:

- Phật giáo có mặt trên vùng đất Nam bộ từ buổi đầu khẩn hoang đến nay khoảng 300 năm với chức năng chính là đáp ứng nhu cầu tinh thần, là chỗ dựa tâm linh của bao thế hệ người dân. Nhìn chung, quá trình du nhập Phật giáo đến đây gồm 4 hướng chủ yếu: Hướng thứ nhất là các nhà sư người Việt, người Hoa theo chân đoàn di dân từ miền Trung vào khai phá. Hướng thứ hai, theo đường thủy, từ Trung Quốc, đạo Phật được các nhà sư theo các nhóm người Hoa do Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch lãnh đạo đến thẳng vùng Đồng Nai, Gia Định, Mỹ Tho truyền đạo (1679). Hướng thứ ba gắn với sự kiện Mạc Cửu thành lập vùng đất Hà Tiên đầu thế kỷ XVIII, dựng ngôi chùa Tam Bảo. Đây là một trong những hướng du nhập Phật giáo Trung Hoa vào Nam bộ theo hướng ngược lại với cuộc di dân. Hướng thứ tư vào năm 1938, Hòa thượng Hộ Tông truyền bá Phật giáo Nam tông từ Campuchia vào Nam bộ. Từ 4 hướng chính, Phật giáo đã vào Nam bộ trong các thế kỷ XVII, XVIII, XIX và đầu thế kỷ XX. Trong quá trình phát triển, Phật giáo Nam bộ đã hình thành 3 hệ phái chính Bắc Tông, Nam Tông và hệ phái Khất sĩ<sup>10</sup>.

- Sài Gòn- thành phố Hồ Chí Minh không chỉ là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội mà trở thành trung tâm Phật giáo của vùng đất Nam bộ. Đây chính là nơi ra đời và đóng trụ sở trung ương các tổ chức Phật giáo trước năm 1975. Vì vậy, nhiều hoạt động, sự kiện Phật giáo Việt Nam nổi bật thế kỷ XX diễn ra tại đây, tiêu biểu nhất là phong trào chấn hưng Phật giáo nửa đầu thế kỷ XX, phong trào Phật giáo năm 1963, sau đó là quá trình vận động thống nhất Phật giáo từ năm 1975 đến 1981.

---

<sup>10</sup> Trần Hồng Liên. 2000. *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam bộ - Việt Nam từ thế kỷ XVII đến 1975*. Nxb.Khoa học xã hội, trang 10-11.



Cũng tại đây, Viện Đại học Vạn Hạnh là viện đại học tư thục do Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất thành lập. Đây là Viện Đại học tư thục Phật giáo đầu tiên ở Việt Nam hoạt động trong vòng 11 năm (từ năm 1964 đến 1975), do Hòa thượng Thích Minh Châu làm Viện trưởng. Hiện nay, Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh là nơi đào tạo hàng ngàn Tăng Ni với trình độ cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ Phật học. Nhiều tu sĩ Phật giáo các tỉnh thành học tập tại đây cũng như các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh, một số thì du học ở nước ngoài (Ấn Độ, Thái Lan, Srilanka, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc..) để nâng cao trình độ Phật học. Vì vậy, Sài Gòn-thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm giáo dục Phật giáo lớn bậc nhất ở Việt Nam, đóng vai trò chính trong việc đào tạo Tăng tài giúp Phật giáo phát triển.

- Sài Gòn-thành phố Hồ Chí Minh trước giờ là cửa ngõ giao thương Việt Nam với nhiều nước trên thế giới. Điều này tất yếu dẫn đến quá trình giao lưu văn hóa với nhiều quốc gia trên thế giới, trước tiên diễn ra tại đây và sau đó lan rộng ra các tỉnh, thành Nam bộ. Cho nên, Phật giáo Phật giáo Nam bộ có điều kiện thuận lợi tiếp xúc, giao lưu với Phật giáo các nước Srilanka, Ấn Độ, Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản,...

### **3. Những đặc điểm nổi bật của Phật giáo Nam bộ**

Như đã trình bày, điều kiện tự nhiên cùng bối cảnh lịch sử, xã hội và con người, văn hóa vùng đất Nam bộ là tiền đề hình thành những đặc điểm Phật giáo nơi đây. Ngoài ra, vốn có bề dày lịch sử, lại có ảnh hưởng sâu rộng, Phật giáo là nhân tố góp phần kiến tạo nên các giá trị văn hóa đặc trưng của vùng đất phương Nam. Điều này được thể hiện qua các đặc điểm sau đây:

Trước tiên, tồn tại trong không gian văn hóa mang tính thoáng, mở, nhất là không bị chi phối và câu nệ nhiều vào truyền thống như ở Đồng bằng Bắc Bộ, nên Phật giáo Nam bộ lần lượt xuất hiện các hệ phái Nam

tông, Khất sĩ cũng như hình thành một số tông phái thuộc Bắc Tông. Ở Bắc bộ, Phật giáo vẫn duy trì nề nếp sinh hoạt tuân thủ thiền môn qui cũ của các sơn môn do chư Tổ truyền lại, nên không hình thành hệ phái, tông phái mới như ở Nam bộ. Cho nên, tính thoáng, mở của Phật giáo Nam bộ thể hiện rõ qua sự đa dạng về cơ cấu tổ chức so với Phật giáo Bắc bộ. Ở Nam bộ, hệ phái Nam tông Kinh và Khmer đọc tụng kinh văn theo ngữ hệ Pali, chánh điện thờ duy nhất Phật Thích Ca. Chư Tăng hệ phái này đáp y hờ vai, đi khất thực buổi sáng. Đặc biệt, hệ phái Khất sĩ chủ trương kết hợp giữa hai truyền thống Bắc tông và Nam tông. Cụ thể, về mặt sinh hoạt, Tăng Ni Khất sĩ theo chủ trương của Tổ sư Minh Đăng Quang kết hợp ăn chay theo Bắc Tông và ăn gạo (không quá trưa) của Nam tông, mang y bát trì bình khất thực vào buổi sáng (ngày nay không còn nữa). Từ đó, hệ phái Khất sĩ hình thành một truyền thống tu học mang tính cách tân, kế thừa những tinh hoa của cả hai truyền thống Bắc Tông và Nam tông, được nhiều người dân hưởng ứng trong thời gian ngắn, tạo tiền đề phát triển Phật giáo Khất sĩ nhanh chóng ở vùng đất Nam bộ. Vào thập niên 50 đến 70 của thế kỷ XX, Phật giáo Bắc tông ở Nam bộ ra đời thêm một số tông phái mới, mang tính nội sinh, qua đó tạo nên sự đa dạng về phương pháp tu tập của Phật giáo Bắc tông ở Nam bộ, cụ thể là Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng và Thiền phái Trúc Lâm. Năm 1959, Hòa thượng Thiện Phước khai sáng môn phong Liên tông Tịnh Độ Non Bồng tại Tổ đình Linh Sơn thuộc Núi Dinh (tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu). Ngài chủ trương tín đồ chuyên niệm Phật, trì chú Đại bi, đặt niềm tin Phật A Di Đà cùng thế giới Tịnh độ, vừa tu học vừa phát nguyện cứu khổ độ sinh để tạo lập công đức. Hiện tại, tông phái này có gần 200 ngôi tự viện và 1.500 Tăng Ni, trung tâm điều hành môn phong là Quan Âm Tu Viện (thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Năm 1968, sau khi thiền sư Thích Thanh Từ ngộ đạo Thiền tông tại núi Tương Kỳ (thành phố Vũng Tàu), bắt đầu xiển dương mạch Phật giáo Thiền tông Trúc Lâm bắt nguồn thời



nhà Trần. Thiền sư chủ trương các thiền sinh sống với tâm tỉnh giác, chân thật để không chạy theo các bên ngoài, buông bỏ hết vọng tưởng giúp trở về bản thể sáng suốt, trong lặng đi đến giác ngộ. Ngày nay, Thiền phái Trúc Lâm có đến 88 ngôi thiền viện trong và ngoài nước, hơn 100 đạo tràng Phật tử. Thiền viện Thường Chiếu (huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai) là tổ đình của thiền phái. Nhờ tính thoáng, mở này mà hiện nay Phật giáo Nam bộ, nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh, là nơi nhanh chóng tiếp nhận các phương pháp tu tập Kim Cang Thừa đến từ Ấn Độ, Nepal, phương pháp thiền tập của Làng Mai (Pháp) do Thiền sư Thích Nhất Hạnh khởi xướng, phương pháp hành thiền Vipassana do các vị thiền sư đến từ Srilankar, Myanmar, Thái Lan truyền bá,...

Thứ hai, là nơi ra đời và ảnh hưởng sâu rộng từ phong trào chấn hưng Phật giáo cũng như bối cảnh xã hội miền Nam Việt Nam vốn chịu ảnh hưởng tư tưởng bình đẳng nam nữ của phương Tây, nên Ni giới ở Nam bộ có điều kiện hình thành về mặt tổ chức, sau đó phát triển lớn mạnh ngay từ thập niên 50 thế kỷ XX. Trong khi đó, tại thời điểm này, ở các chùa miền Bắc chỉ duy trì một số ít vị Ni tu hành, họ sinh hoạt theo chỉ dẫn các sơn môn, chủ yếu là tụng niệm kinh kệ, quét dọn chùa chiền mỗi ngày. *Điều này cho thấy rõ tính bình đẳng của Phật giáo Nam bộ.* Ngay từ đầu thế kỷ XX, Ni giới Nam bộ ra đời và liên tục phát triển. Ngôi chùa Ni đầu tiên là chùa Giác Hoa do người phụ nữ giàu có tên Huỳnh Thoại Nga thành lập năm 1919 tại Bạc Liêu. Sau đó, bà xuất gia với Hòa thượng Như Hiển- Chí Thiền vào năm 1923, được ban pháp danh Hồng Nga, tự Diệu Ngọc. Từ năm 1927 đến năm 1945, Chùa Giác Hoa liên tục mở các lớp gia giáo trang bị kiến thức Phật học cho chư Ni các tỉnh Nam bộ. Bên cạnh đó, tại Sài Gòn, sau một thời gian tu học vững vàng, năm 1936, Ni sư Diệu Tịnh lập chùa Từ Hóa (sau đổi tên thành Hải Ấn), trở thành ngôi chùa Ni đầu tiên ở Sài Gòn. Sau đó, Ni sư Diệu Tịnh nhiệt tình đi thuyết pháp nhiều nơi, thậm chí đến kinh đô Huế để giảng giáo lý

nhà Phật trong hoàng cung. Đặc biệt, với tinh thần đòi quyền bình đẳng nam nữ, Ni sư Diệu Tịnh viết một số bài báo trên Tạp chí Từ Bi Âm đã phá thành kiến trọng nam khinh nữ, thực thi bình đẳng giáo dục Phật giáo cho phụ nữ và hướng tới mục đích thức tỉnh Ni chúng mạnh mẽ, lo tu học cầu tiến để phát triển bản thân chứ không chỉ quanh quanh việc bếp núc, dọn dẹp nhà chùa, nhất là cần đoàn kết lại thành một tổ chức đoàn thể Ni giới. Với tinh thần này, Ni sư Diệu Tịnh chú trọng đào tạo Ni chúng qua việc mở trường gia giáo tại chùa Giác Linh (Sa Đéc), thu hút hơn 100 vị Ni về học. Năm 1942, Ni sư Diệu Tịnh viên tịch tại chùa Hải Ấn khi tròn 33 tuổi. Tiếp nối và phát huy thành quả ban đầu này, tại Sài Gòn, Ni trưởng Như Thanh khởi xướng vận động Ni giới đoàn kết lại, kết quả là Ni bộ Nam Việt ra đời năm 1956, về sau đổi tên thành Ni bộ Bắc Tông (1972). Từ khi Ni bộ Nam Việt ra đời, liên tục phát triển đã tạo tiền đề vững vàng về đường hướng lẫn các mặt hoạt động sôi nổi của chư Ni ở các mặt công tác giác dục, hoằng pháp, từ thiện xã hội và nghi lễ,... Tính đến năm 1972, Ni bộ Bắc Tông có văn phòng đặt tại Chùa Từ Nghiêm (Sài Gòn) với tổng số 136 chùa Ni, 50 ngôi tịnh thất, 1.345 Ni chúng<sup>11</sup>. Nhiều vị Ni được học tập chuyên sâu giáo lý tại 4 Phật học Ni viện đặt tại Chùa Dược Sư (Sài Gòn), Chùa Từ Nghiêm (Sài Gòn), Chùa Diệu Đức (Huế), Chùa Diệu Quang (Nha Trang). Hiện tại, tổ chức của Ni giới Việt Nam là Phân ban Ni giới Trung ương thành lập năm 2009, văn phòng đặt tại Tổ đình Từ Nghiêm (thành phố Hồ Chí Minh). Tổ chức này mang tính kế thừa từ Ni bộ Bắc Tông qua nhiều vị Ni đang là lãnh đạo của phân ban hiện nay trước đây từng tham gia Ni bộ Bắc Tông hoặc vốn được đào tạo từ các Phật học Ni viện trước năm 1975.

Thứ ba, môi trường tự nhiên vùng đất Nam bộ ảnh hưởng đến Phật giáo nơi đây, cụ thể qua phương diện kiến trúc, y phục, ẩm thực, nên đã tạo nên một số khác biệt so với Phật giáo Bắc bộ. Trước hết, đặc trưng

<sup>11</sup> Tỳ kheo Ni Như Đức . 2009. *Lược sử Ni giới Bắc Tông Việt Nam*. Nxb. Tôn giáo, trang 107



thời tiết Nam bộ với hai mùa mưa và khô nên ảnh hưởng đến cách thiết kế mái chùa. Trần Hồng Liên phân tích: Lượng mưa trong Nam rất lớn, mưa đổ nhanh và nặng hạt và cũng sớm kết thúc. Vì vậy, ngói âm dương (ngói máng xối) giúp thoát nước nhanh, chống ú đọng, và cũng từ lý do đó mà đầu đao ở chùa miền Nam vuông bằng sắc cạnh, không vút cong. Và lại, phong cách đó cũng rất hài hòa với cảnh quan ruộng đồng trải rộng ở Nam bộ. Trong khi đó, do thời tiết bốn mùa, chùa miền Bắc thường lợp ngói mũi hài, đầu đao cong vút, nổi bật giữa một hồ nước thoáng mát, có liễu rũ mềm mại<sup>12</sup>. Nam bộ không có mùa đông lạnh lẽo và mùa thu mát mẻ như Bắc bộ, ngược lại nắng nóng gần như quanh năm. Vì vậy, pháp phục của tu sĩ Phật giáo Bắc tông, Nam tông hay Khất sĩ được may chủ yếu bằng loại vải thoáng, mát, dễ hút ẩm giúp họ tiện lợi trong sinh hoạt, phổ biến là vải kate được sản xuất từ chất liệu chính cotton. Trong khi đó, tu sĩ Phật giáo miền Bắc vốn chuộng vải làm từ chất liệu nylon dùng may pháp phục phù hợp điều kiện thời tiết mát mẻ hoặc lạnh. Mặt khác, vùng đất phương Nam vốn được thiên nhiên ưu đãi, đất đai màu mỡ, phì nhiêu cho nhiều loại cây trái sum xuê, tươi tốt quanh năm. Vì vậy, các món chay Nam bộ không chỉ phong phú, đa dạng bởi nguồn nguyên liệu dồi dào mà còn mang hương vị độc đáo. Tiêu biểu, vào những ngày rằm tháng giêng, tháng bảy và tháng mười, các chùa hay nấu món canh kiểng. Món này được chế biến từ các nguyên liệu chính gồm mít, chuối, khoai mì, khoai môn, bí rợ, mướp, đậu phộng, nấm mèo,... và không thể thiếu nước cốt dừa. Khi múc ra, tô canh kiểng trông đẹp mắt với màu trắng đục nước cốt dừa, màu vàng của bí, của khoai lang, của mít, màu xanh của bí, màu tím của khoai môn. Vì vậy, ăn canh kiểng không chỉ cảm nhận hương vị thơm, béo đậm đà mà còn thưởng thức vẻ đẹp màu sắc mộc mạc, tự nhiên của nhiều loại cây trái miệt vườn Nam bộ. Theo nhận định của Dương Hoàng Lộc: Món chay ở đây đa dạng, phong

---

<sup>12</sup> Trần Hồng Liên .2019. *Góp phần tìm hiểu Phật giáo Nam bộ*. Nxb.Khoa học xã hội, trang 9-10.

phú bởi Nam bộ có nhiều sản vật, cây trái, góp phần tạo nên nguồn nguyên liệu dồi dào cho việc chế biến thực phẩm chay. Trong chế biến, người ta sử dụng khá nhiều nước cốt dừa, có vị béo để tăng dinh dưỡng và đỡ nhàm chán cho người ăn chay<sup>13</sup>. Như vậy, Phật giáo, trong quá trình truyền bá và phát triển ở vùng đất Nam bộ đã hài hòa, thích nghi với môi trường đồng bằng sông nước, khí hậu hai mùa mưa và khô, từ đó để lại dấu ấn sinh thái tự nhiên trong sinh hoạt Phật giáo Nam bộ qua thành tố kiến trúc, pháp phục và ẩm thực,...

Thứ tư, Nam bộ là vùng đất khẩn hoang, rồi vào thế kỷ XIX, XX, tình hình chính trị-xã hội thường xuyên biến động và phức tạp, nên Phật giáo nơi đây cần thể hiện tính nhập thế nhằm thích nghi, hòa nhập với người dân, từ đó dễ dàng truyền bá Phật pháp đến họ, đồng thời thể hiện lý tưởng dẫn thân hành bỏ tất đạo giúp lợi lạc chúng sanh cùng nhiệt huyết phụng sự đạo pháp và dân tộc của nhiều thế hệ Tăng Ni, Phật tử. Đầu tiên, tính nhập thế thể hiện rõ ở chỗ buổi đầu khẩn hoang, nhiều vị thiền sư giúp người dân đuổi thú dữ, truyền dạy võ nghệ cho họ để sớm an cư lạc nghiệp. Tại Bến Tre, thiền sư Long Thiên từ miền Trung vào khai sơn Chùa Hội Tôn năm 1740. Trước cảnh cộp đờ hoành hành, Hòa thượng truyền dạy võ nghệ cũng như bày kế diệt hổ cho đàn ông trong làng. Hiện ở Bình Dương còn lưu lại sự tích Tổ Bưng Đĩa: Thiền sư Đạo Trung-Thiện Hiếu khi du hóa đến làng Tân Định (huyện Bến Cát), thấy cảnh người dân khổ sở vì loài đĩa sinh sôi nhiều, nên ngài phát nguyện trầm mình xuống bưng cho bày đĩa ăn thịt, nhưng bày đĩa không dám ăn thịt ngài và bỏ đi. Sau đó, dân làng lập chùa Long Hưng (1768), họ thỉnh Hòa thượng làm trụ trì và được dân làng gọi là Tổ Bưng Đĩa. Mặt khác, tính nhập thế còn biểu hiện qua việc Phật giáo xem trọng việc đáp ứng nhu cầu tâm linh của cư dân Nam bộ, đó là ý nghĩa của bộ tượng 5 vị, đền Dược Sư bài trí trong chánh điện một số ngôi chùa cổ. Tại nhiều ngôi

<sup>13</sup> Dương Hoàng Lộc .2021. Về quê ăn Tết. Nxb.Thành phố Hồ Chí Minh, trang 48.



chùa, ở chánh điện tôn trí bộ tượng 5 vị gồm Phật Thích Ca và Bồ tát Quan Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, Thế Chí được tạc dưới dạng phù điêu, còn gọi là bộ sám bài. Bốn vị bồ tát này thể hiện sinh động giáo lý nhà Phật với các yếu tố Từ bi (Quan Âm), Trí tuệ (Văn Thù), Hạnh nguyện (Phổ Hiền), Dũng-Đại hùng-Đại lực (Thế Chí). Hình ảnh Phật Thích Ca ở giữa 4 vị bồ tát này thể hiện tinh thần của bậc đã giác ngộ. Đặc biệt, hình tượng mỗi vị ngồi trên mãnh thú là hình ảnh thể hiện tình trạng đang hoằng hóa, đang thị hiện nhập thế vào đời. Đèn Dược Sư 49 ngọn đặt trong chánh điện là biểu tượng sáng tạo của Phật giáo người Việt ở Nam bộ. Tại Nam bộ, cư dân mới đến do chưa phù hợp với phong thổ, dễ sinh bệnh dịch hoành hành, trong bối cảnh đó, biểu tượng đèn 49 ngọn, có tượng hóa thân Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật tạo cho người dân niềm tin được chữa lành bệnh, được sống bình yên, hạnh phúc<sup>14</sup>. Ngoài ra, trước tình hình chính trị phức tạp của miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975, nhiều Tăng Ni, Phật tử quyết tâm gương cao ngọn cờ bảo vệ đạo pháp hòa cùng ý chí khát vọng hòa bình, thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam. Trước sự đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam, tại Sài Gòn, phong trào Phật giáo 1963 ngày càng lan rộng, mạnh mẽ qua việc Tăng Ni, Phật tử xuống đường biểu tình với tinh thần bất bạo động, đề nghị chính quyền thực thi bình đẳng tôn giáo. Đỉnh cao phong trào là sự kiện Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu (tháng 6/1963) làm chấn động thế giới. Phong trào này góp phần làm sụp đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm (1963) ở miền Nam Việt Nam. Bên cạnh đó, Ni trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên-vị lãnh đạo Ni giới Khất sĩ dẫn dắt Ni chúng, phối hợp cùng lực lượng trí thức, văn nghệ sĩ, sinh viên, tích cực tham gia phản đối chiến tranh, đòi nhân quyền, đòi thực thi hòa bình, dân chủ ở Sài Gòn, mặc dù nhiều lần bị chính quyền

---

<sup>14</sup> Trần Hồng Liên. 2000. *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam bộ-Việt Nam từ thế kỷ XVII đến 1975*. Nxb. Khoa học xã hội, trang 123-125.

Sài Gòn đàn áp, bắt bớ, bao vây. Ni trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên trở thành một trong những lá cờ đầu của phong trào đấu tranh đô thị miền Nam Việt Nam trước 1975. Ngoài ra, tính nhập thế còn biểu hiện rõ nhất ở Tăng Ni, Phật tử Nam bộ trước nay chú trọng vào các hoạt động từ thiện-xã hội, xem đó là Phật sự quan trọng và cần thiết, thể hiện tấm lòng từ bi nhà Phật nhằm giúp đỡ người dân cả nước mỗi khi gặp thiên tai, bão lụt, những địa phương vùng sâu, xa, vùng dân tộc thiểu số khó khăn, nghèo nàn. Cần nhắc đến giai đoạn trước năm 1975, khi chiến tranh lan rộng ở miền Nam Việt Nam dẫn đến xã hội ngày một nhiều trẻ em mồ côi cha mẹ hoặc thiếu thốn học hành bởi hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, Ni bộ Bắc Tông bắt tay mở nhiều lớp học miễn phí rồi đi đến hình thành mạng lưới cô-ký nhi viện để cứu mang, giúp đỡ trẻ em. Đại hội Ni bộ Bắc Tông tổ chức năm 1972 vạch ra đường hướng cho hoạt động từ thiện-xã hội là các chùa Ni, tùy theo hoàn cảnh, mở các lớp công tác xã hội như các lớp sơ cấp, Ký nhi viện, phòng y tế, lớp huấn nghệ để giúp đỡ trẻ em và các gia đình nghèo. Kỷ yếu Đại hội Ni bộ Bắc Tông năm 1972 ghi nhận: Ni bộ hình thành 71 trường mẫu giáo, sơ cấp với 12.300 học sinh, 41 ký nhi viện dạy 7.132 em, 6 cô nhi viện nuôi dưỡng 1.125 trẻ<sup>15</sup>. Như vậy, tính nhập thế của Phật giáo Nam bộ nhằm đáp ứng nhu cầu thiết thực, thậm chí là bức thiết, của cư dân vùng đất mới, lại thích ứng điều kiện chính trị - xã hội cùng tính cách phóng khoáng, nhân hậu của con người đất phương Nam. Đặc biệt, tinh thần nhập thế biểu hiện cụ thể bằng các hành động dấn thân vì khát vọng dân chủ, hòa bình, độc lập dân tộc của nhiều thế hệ Tăng Ni, Phật tử ở Nam bộ đã tô đậm đường hướng gắn liền đạo pháp với dân tộc của Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử hơn 2000 năm qua

Thứ năm, *Phật giáo vùng đất phương Nam không chỉ kế thừa truyền thống của Phật giáo dân tộc mà còn sáng tạo theo hướng tinh gọn, đơn*

---

<sup>15</sup> Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. 1972. *Kỷ yếu Đại hội Ni bộ Bắc tông*, Chùa Từ Nghiêm, trang 14-17.



*giản để phù hợp nhu cầu, thị hiếu con người nơi đây.* Qua kiến trúc, bài trí truyền thống chùa Việt ở Nam bộ cho thấy rõ điều này. Nguyễn Hải Lăng chỉ ra: Đặc trưng kiến trúc phổ biến chùa ở Đàng Ngoài được thiết kế theo lối chữ công. Xứ Đàng Trong trở vào không làm kiểu chữ công mà làm kiểu trùng lương (hai đòn móc, hai đòn dông) tức là làm kiểu hai nhà ghép liên mái với nhau, mái chỗ giáp nhau đổ nước xuống chung một máng xối mà người ta thấy rất phổ thông tại Huế và ở một số đình chùa miền Nam<sup>16</sup>. Hà Văn Tấn giải thích thêm: Kiểu chữ công, rõ hơn là nội công ngoại quốc, được bố trí phía trong là chữ công còn phía ngoài có cái khung bao quanh như ở chữ quốc. Kiểu kiến trúc này là có hai hành lang dài, nối liền tiền đường (hay bái đường) ở phía trước với hậu đường (có thể là nhà tổ hay nhà tăng) ở phía sau làm thành một khung chữ nhật bao quanh lấy nhà thiêu hương, thượng điện hay các kiến trúc ở giữa<sup>17</sup>. Trong khi đó, nhiều ngôi chùa cổ ở Nam bộ xây cất hình chữ tam, gồm các lớp nhà nối tiếp nhau. Lớp nhà đầu tiên đầu tiên được làm chánh điện dùng thờ Phật, các vị Bồ tát ở giữa, hai bên trái, phải thờ Thập bát La hán và Thập điện Diêm vương (mỗi bên 5 vị), lại có thêm ban thờ hai vị Hộ pháp, Tiêu Diện, đôi khi lại đặt tượng thờ Long Vương, Già Lam Thánh chúng, Quan Âm Tống tử, Cửu Thiên Huyền Nữ, Ngũ Hành,... Sau tám vách gian nhà chánh điện là ban thờ Tổ của chùa, thờ Tổ Bồ Đề Đạt Ma cùng các đời trụ trì. Nhìn chung, hầu như tượng thờ trong chùa Việt ở Nam bộ được bài trí ở chánh điện nên trông đơn giản hơn các chùa miền Bắc vốn qui định mỗi tòa nhà thờ phụng tượng khác nhau: Tòa tiền đường thờ Hộ pháp, Bát bộ kim cang, đôi khi thờ Thập điện Diêm Vương, có thể có một số ban thờ khác như Thổ Địa, Long Vương, Đức Ông, Đức Thánh Hiền. Thượng điện hay chánh điện là nơi đặt ban Tam bảo, thờ lớp trên cao nhất là bộ Tam Thế Phật, kế đến là bộ Di Đà Tam Tôn, lớp kế nữa là bộ

<sup>16</sup> Nguyễn Bá Lăng. 2001. *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam (quyển 2)*. Xuất bản tại Paris và Sydney, trang 20.

<sup>17</sup> Hà Văn Tấn. 2019. *Cửa sổ lịch sử văn hóa Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, trang 169.

Hoa Nghiêm Tam Thánh, cuối cùng là tòa Cửu Long có tượng Thích Ca sơ sinh, đôi khi còn có thêm các tượng Ngọc Hoàng, Nam Tào-Bắc Đẩu và Thái Thượng Lão Quân,... Nhà Tổ tách hẳn riêng với nhà thượng điện, nơi này thờ các vị Tổ sư, trên cao và giữa là Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Dãy hành lang đặt tượng Thập bát la hán, mỗi bên 9 tượng. Kiến trúc lẫn cách bài trí tượng thờ trong ngôi chùa Việt ở Nam bộ mang tính đơn giản so với các ngôi chùa vùng đồng bằng Bắc bộ. Tuy nhiên vẫn mang tính kế thừa qua nhận định: *“Người Việt ở Nam bộ đã thể hiện tính kế thừa, chọn lọc các yếu tố văn hóa thông qua kiến trúc, nghệ thuật, trang trí, điêu khắc Phật giáo, qua việc đặt đẽ tượng thờ, ...Hầu hết tượng thờ trong các ngôi chùa đều cho thấy có sự kế thừa các hệ thống điện thờ từ miền Bắc, miền Trung, và có bổ sung thêm nên phong phú, đa dạng”*<sup>18</sup>. Ngoài ra, rất dễ dàng nhận thấy hiện nay nhiều ngôi chùa ở Nam bộ được xây tầng lầu để phù hợp với khuôn viên đất hạn chế, nhất là ở các đô thị hay khu vực đông dân. Chánh điện các chùa này bài trí khá đơn giản: Tượng Phật Thích Ca ở giữa, nhị vị Bồ tát Văn Thù-Phổ Hiền hoặc Quan Âm-Địa Tạng hai bên, thậm chí chỉ đặt duy nhất một pho tượng Phật Thích Ca. Ngược lại, các chùa miền Bắc, trong quá trình trùng tu hoặc xây mới, chú trọng giữ nguyên kiến trúc, cách bài trí tượng thờ theo truyền thống để duy trì vẻ cổ kính, thâm trầm vốn có.

Thứ sáu, *tồn tại trong điều kiện Nam bộ là vùng đất có điều kiện tiếp xúc với nhiều luồng văn hóa trên thế giới, nên văn hóa Phật giáo Nam bộ thường xuyên giao thoa và tiếp biến với văn hóa Phật giáo các nước.* Trước tiên là dấu ấn văn hóa Phật giáo Trung Hoa trong các ngôi chùa Việt Nam bộ. Ngay từ thời kỳ đầu, Phật giáo của người Việt Nam bộ được truyền trực tiếp từ các vị thiền sư Trung Hoa, nhất là nghi lễ thiền môn, pháp phục, kinh sách, pháp khí, tượng thờ,... Vì vậy, yếu tố văn hóa

---

<sup>18</sup> Trần Hồng Liên. 2000. *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam bộ-Việt Nam từ thế kỷ XVII đến 1975*. Nxb. Khoa học xã hội, trang 222-223.



Phật giáo Trung Hoa ảnh hưởng khá rõ trong sinh hoạt thiền môn Nam bộ. Trong khi đó, Phật giáo ở Bắc bộ có lịch sử lâu đời, được truyền bá trực tiếp từ Ấn Độ (đầu Công nguyên), sau đó là Trung Hoa (thế kỷ thứ V-VI), nên qua thời gian dài đã bản địa hóa, nhạt dần yếu tố Phật giáo Trung Hoa so với Phật giáo Nam bộ. Cụ thể, Phật giáo miền Bắc giao thoa mạnh mẽ với tín ngưỡng dân gian, nhất là tín ngưỡng thờ các nữ thần, thờ Mẫu. Các chùa lập ban thờ Mẫu hoặc có thêm nhà Mẫu thờ Tam Tòa Thánh Mẫu để người dân đến hương khói van vái cầu xin, tổ chức hầu đồng. Cách thờ cúng này của chùa Bắc Bộ được gọi là tiền Phật hậu Mẫu. Cũng cần kể thêm, các chùa Bắc Bộ đặt ban thờ Đức Ông tức Trưởng giả Cấp Cô Độc tên thật là Tu Đạt-người phát tâm cúng dường cho Phật Thích Ca và Tăng đoàn, hay bố thí cho nhiều người nghèo khổ, cô đơn. Ông được đời sau kính trọng, xem như vị hộ pháp mẫu mực nhiệt tâm hộ trì Tam bảo. Người dân Bắc bộ đến chùa dâng lễ ban thờ Đức Ông với niềm tin ông là người trông nom cẩn thận chùa chiền, hộ trì trẻ em khỏi bệnh tật qua tục bán khoán Đức Ông đã tồn tại từ lâu. Tại nhiều chùa ở Nam bộ, do ảnh hưởng Phật giáo Trung Hoa, Quan Công-một vị anh hùng thời Tam Quốc (Trung Quốc) được tôn là Già Lam Thánh Chúng nhiệm vụ hộ trì Tam bảo, được thờ trong chánh điện với dáng vẻ hiền lành, gần gũi. Mở rộng hơn nữa, văn hóa Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh tiếp thu nhanh chóng những giá trị văn hóa Phật giáo thế giới. Nhiều ngôi tự viện được trùng tu, xây dựng theo phong cách kiến trúc chùa Thái Lan, Nhật Bản,...vào những năm gần đây đã làm đa dạng hóa kiến trúc Phật giáo trên địa bàn thành phố như chùa Bửu Long (quận 9) theo kiểu chùa Thái Lan, chùa Huệ Nghiêm (quận 2), chùa Pháp Hoa (quận Phú Nhuận), chùa Long Bửu (quận 4),...lại giống kiến trúc chùa Nhật Bản. Trong việc tôn trí tượng thờ, tranh ảnh,...ở các chùa và một số gia đình Phật tử khá giả thì khá chuộng những sản phẩm được sản xuất từ Trung Quốc, Đài Loan,...Ngoài ra, Tăng Ni sử dụng ngày một nhiều pháp khí, pháp phục,

giày, túi dây, trà cụ, trà...được nhập từ Đài Loan. Ở Bắc bộ, các món chay ngày thường chủ yếu là tương, đậu, rau, dưa, cà,...Vào dịp rằm lớn hay lúc tổ chức lễ, nhà chùa nấu cỗ chay gồm các món giò, chả, nem, mọc, nộm,...Các món này thuộc phong cách ẩm thực truyền thống của người Việt Bắc bộ. Ẩm thực chay ở Nam bộ lại khác, đó là một số món chay thường xuất hiện các bàn tiệc: lẩu, chạo tôm, phá lẩu, cà ri, canh tiềm, bánh bao, há cảo, xú mại, hủ tiếu, pa-tê, mì spaghetti, xúc xích, bánh pizza,...có nguồn gốc từ ẩm thực nhiều nước. Nhất là ngày một nhiều nguyên liệu chế biến món chay được nhập chủ yếu từ Đài Loan, Hồng Kông không chỉ đáp ứng thị hiếu người dân mà còn giúp thăng hoa ẩm thực chay Nam bộ. Tuy nhiên, văn hóa Phật giáo Nam bộ, trong quá trình giao thoa tiếp biến văn hóa Phật giáo các nước, ngoài việc tiếp nhận, tái tạo thành những giá trị văn hóa mới nhằm bổ sung, làm giàu các giá trị văn hóa Phật giáo Việt Nam thì vẫn ý thức giữ gìn các giá trị truyền thống đặc trưng của Phật giáo dân tộc.

Phật giáo Nam bộ thể hiện tính thống nhất mà đa dạng qua ảnh hưởng đạo Phật vào cộng đồng người Việt, người Hoa, người Khmer, tạo nên những nét khác biệt trong sinh hoạt Phật giáo nơi đây. Trong khi đó, Phật giáo ở đồng bằng Bắc bộ gắn với người Việt, hòa nhập cùng truyền thống làng xã Bắc bộ qua câu "*Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt*". Trong làng xã người Việt ở Nam bộ, bên cạnh đình và miếu, chùa là một thiết chế văn hóa quan trọng của cộng đồng, phần nhiều do các Tăng Ni khai sơn tạo lập, nên họ đóng vai trò chủ chốt trong việc truyền thừa mạng mạch cho hàng đệ tử kế thế trụ trì cũng như việc trùng tu, tôn tạo chùa chiền khi cần thiết. Ở chùa, nhà sư đảm trách cúng kiếng tang ma, cúng dường tinh giải hạn, xem ngày giờ xây cất, cưới gả,...mỗi khi dân làng cần. Ngoài ra, dịp rằm tháng giêng, tháng bảy và tháng mười, người dân có phong tục đi chùa trước thắp hương lễ Phật cầu nguyện rồi dùng cơm chay. Những người nghèo khó được nhà chùa phát quà từ thiện (gạo, mì,



nước tương,...) mỗi dịp Phật đản, rằm tháng bảy hay Tết Nguyên đán. Tại lễ hội kỳ yên của đình, miếu diễn ra hằng năm, các nhà sư được thỉnh đến tụng kinh cầu an cho dân làng, và ngược lại, một số đình, miếu cử hương chức mang mâm xôi dâng cúng Phật trước ngày chánh lễ kỳ yên bởi họ quan niệm: “*Có Trời Phật mới có thánh thần*”. Điều này giúp cố kết tính cộng đồng làng xã Nam bộ dựa trên yếu tố tín ngưỡng-tôn giáo. Khác với người Việt, Phật giáo Nam tông là tôn giáo chính, giữa vai trò là nền tảng của đời sống văn hóa trong phum, sóc Khmer Nam bộ. Hiện tại có khoảng 460 ngôi chùa và hơn 8.500 sư sãi thuộc Phật giáo Nam tông Khmer. Ngôi chùa không chỉ là công trình kiến trúc độc đáo mà còn trung tâm tôn giáo, văn hóa, giáo dục của phum, sóc, là biểu tượng nền văn hóa Khmer Nam bộ. Chùa Khmer là một hệ thống gồm các công trình kiến trúc: Chánh điện, trai đường (salatien), Tăng xá, tháp, phòng học, nhà hỏa táng,... nằm trong viên đất rộng rãi trồng nhiều cây sao, dầu,... Các vị sư sãi luôn được người dân Khmer kính trọng, họ có vị trí cao trong cộng đồng. Theo phong tục truyền thống, nam thanh niên Khmer đến tuổi trưởng thành phải đi tu báo hiếu để rèn luyện đạo đức, sau đó họ có thể hoàn tục. Những lễ hội truyền thống của người Khmer Nam bộ: Chol chnam thmay (Lễ mừng năm mới), Sel đonta (Lễ cúng ông bà), Ok om bok (Lễ cúng trăng) chủ yếu diễn ra tại chùa, người dân đến đây cầu nguyện và sinh hoạt cộng đồng trong không khí vui tươi, nhộn nhịp. Ngoài ra, Phật giáo ăn sâu vào phong tục tập quán người Khmer Nam bộ. Trong đám cưới, người dân thỉnh nhà sư về nhà tụng kinh chúc phúc, buộc chỉ tay cho chú rể, cô dâu. Mỗi khi gia đình có tang ma, các vị sư đến nhà làm lễ và tụng kinh cầu siêu cho người mất. Phật giáo Hoa tông ở Nam bộ được truyền thừa chủ yếu từ tông Lâm Tế và Tào Động, hiện có 60 ngôi chùa trên cả nước, nhưng tập trung ở quận 5, 6 và 11 của thành phố Hồ Chí Minh với 49 ngôi chùa, khoảng 100 vị tu sĩ người Hoa. Chùa Hoa là một kiến trúc độc đáo, phổ biến ở đô thị. Mái chùa cất theo

kiểu “trùng thiềm điệp ốc” với các lớp mái chồng lên nhau, mái được lợp bằng ngói thanh lưu ly hoặc huỳnh lưu ly với màu sắc nổi bật, trên cao thường đặt tháp nhiều tầng nên dễ nhận biết. Chùa Hoa gồm chánh điện, nhà Tổ, nhà thờ hương linh quá cố. Phía sau chùa là Diên Sanh đường hồi hướng phước báu cho các cư sĩ hộ đạo được an khang, trường thọ. Chánh điện thờ Phật, chủ yếu là bộ tượng Di Đà Tam Tôn, Hoa Nghiêm Tam Thánh, Phật Di Lặc,... Tượng được đặt trong khung kính lớn để không bám bụi, luôn trang nghiêm và tinh khiết. Người Hoa đến chùa lễ Phật vào các ngày rằm lớn và dịp Tết Nguyên đán, Tết Nguyên tiêu với mong muốn tổ tiên được siêu thoát, bản thân hưởng nhiều phúc đức, làm ăn thuận lợi, khỏe mạnh và sống lâu,... Để tiêu trừ tội chướng và tăng trưởng công đức, Phật tử người Hoa nhiệt tình tham gia các khóa lễ Sám Vọng Phật, Sám Lương Hoàng, Từ Bi Thủy Sám,... tại các chùa. Chùa Hoa thường chú trọng các hoạt động từ thiện-xã hội giúp đỡ cộng đồng. Phật giáo Hoa Tông ở thành phố Hồ Chí Minh duy trì truyền thống tổ chức Đại Pháp hội Trai đàn Vạn nhân duyên cầu siêu cho người mất và cầu an đem lại sức khỏe, phước lành cho người sống theo định kỳ 5 năm 1 lần. Hàng ngàn người Hoa đăng ký tham dự pháp hội qui mô này. Những ảnh hưởng của Phật giáo trong cộng đồng người Việt, Khmer, Hoa tạo nên những mảng màu nổi bật trong bức tranh Phật giáo Nam bộ.

#### **4. Kết luận**

Cuối cùng, bài viết làm rõ các đặc điểm chính của Phật giáo Nam bộ: tính thoáng và mở, tính bình đẳng, chịu ảnh hưởng môi trường tự nhiên sinh thái, tính nhập thế, vừa kế thừa truyền thống dân tộc vừa sáng tạo tinh gọn, đơn giản, giao thoa-tiếp biến văn hóa Phật giáo các nước, tính thống nhất mà đa dạng. Qua các đặc điểm này giúp thấy rõ những khác biệt giữa Phật giáo Nam bộ với Phật giáo Bắc bộ dựa trên tiền đề lịch sử, điều kiện tự nhiên, những đặc điểm kinh tế, xã hội.



Phật giáo vừa là một tôn giáo và cũng là một văn hóa có nguồn gốc từ Ấn Độ nhưng qua hơn 2.000 năm đã nhanh chóng hội nhập, trở thành bản sắc văn hóa Việt Nam. Phật giáo Việt Nam vừa mang tính dân tộc vừa thể hiện yếu tố vùng miền cho thấy sự linh hoạt, thích nghi của tôn giáo này trong nền văn hóa dân tộc, cụ thể là những đặc điểm Phật giáo Nam bộ thể hiện qua các phương diện từ cơ cấu tổ chức cho đến kiến trúc, bài trí, nghi lễ, pháp phục, ẩm thực,....

Phật giáo Nam bộ là thực thể sống động giúp nhận thức bản sắc văn hóa Việt Nam, đặc điểm con người và văn hóa vùng đất Nam bộ.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Hoàng Lộc. 2021. *Về quê ăn Tết*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. 1972. *Kỷ yếu Đại hội Ni bộ Bắc tông*. Chùa Từ Nghiêm.
3. Hà Văn Tấn. 2019. *Cửa sổ lịch sử văn hóa Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội.
4. Ngô Đức Thịnh. 2009. *Bản sắc văn hóa vùng ở Việt Nam*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
5. Nguyễn Bá Lăng. 2001. *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam (quyển 2)*. Xuất bản tại Paris và Sydney.
6. Nguyễn Quang Hưng. 2016. *Tôn giáo và văn hóa lý thuyết cơ bản và giải pháp định hướng khai thác các giá trị văn hóa tôn giáo phục vụ phát triển kinh tế xã hội Việt Nam hiện nay*. Nxb Tri thức.
7. Nhiều tác giả. 2022. *Nghiên cứu Phật giáo (tập 3)*. Nxb Khoa học xã hội.
8. Trần Hồng Liên. 2004. *Góp phần tìm hiểu Phật giáo Nam bộ*. Nxb Khoa học xã hội.

9. Trần Hồng Liên. 2000. *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam bộ - Việt Nam từ thế kỷ XVII đến 1975*. Nxb Khoa học xã hội.
10. Tỳ kheo Ni Như Đức. 2009. *Lược sử Ni giới Bắc Tông Việt Nam*. Nxb Tôn giáo.

